

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MAI SƠN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2019/DS-ST
Ngày 28 tháng 5 năm 2019
V/v xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lò Thị Chơ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Văn Sơ
2. Bà Trịnh Thị Thái

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Quỳnh Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2019/TLST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2019 về việc xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2019/QĐXX-ST ngày 24 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2019/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lò Thị P, sinh năm 1995. Nơi ĐKKHKT: Bản L, xã C, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Nơi ở hiện nay: bản H, xã C, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lò Văn M, sinh năm 1992. Địa chỉ: Bản L, xã C, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Lò Văn Q, sinh năm 1982. Địa chỉ: Bản L, xã C, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/02/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Lò Thị P trình bày như sau:

Chị và anh Lò Văn M kết hôn từ năm 2013 do hai bên tự nguyện tìm hiểu, không bị ai ép buộc khi đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh chị đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La ngày 02/12/2013 và được hai bên gia đình đồng ý, tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc được một khoảng thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, gia đình sống không hòa thuận. Nguyên nhân là anh M lười lao động, thường xuyên đi chơi đến sáng mới về ngủ, uống rượu về đánh đập vợ con. Vợ chồng thường xuyên cãi cọ nhau, có lần anh M đã đánh chị quá đau nên chị đã đánh lại anh M. Sau sự việc đó, mâu thuẫn vợ chồng trở lên trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống nên chị P đã về nhà bố mẹ đẻ ở bản H, xã C, huyện Mai Sơn sống từ cuối năm 2017 đến nay. Trong thời gian ly thân, anh chị không ai còn quan tâm gì đến nhau. Vì vậy, chị viết đơn ly hôn đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh M. Tại phiên tòa, chị vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh M.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là cháu Lò Tôn Ni Đ, sinh ngày 07/6/2014 và cháu Lò Sơn Ni Đ2, sinh ngày 23/05/2016. Trong thời gian ly thân, cháu Đ ở với anh M còn cháu Đ2 ở với chị. Nay ly hôn, chị P có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung do hiện nay anh M đang đi làm xa, không có khả năng chăm sóc con chung. Tại phiên tòa, chị vẫn giữ nguyên yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi hai con chung cùng chị.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị P đề nghị Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này do anh M hiện đang đi làm xa, không có mặt tại địa phương.

Tại bản tự khai ngày 22/02/2019 và lời khai trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, anh Lò Văn M trình bày:

Về quá trình tìm hiểu, kết hôn đúng như chị P trình bày. Anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không ai bị ép buộc, đã đăng ký kết hôn, được pháp luật công nhận và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 05 năm thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng có cãi cọ nhau, anh có đánh chị P và chị P đã cầm dao chém anh phải đi viện. Tuy nhiên, vợ chồng nào cũng có mâu thuẫn nhưng mâu thuẫn của vợ chồng anh chị chưa đến mức phải ly hôn. Vì vậy, anh đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng anh chị được đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Lò Tôn Ni Đ, sinh ngày 07/6/2014 và cháu Lò Sơn Ni Đ2, sinh ngày 23/05/2016. Nếu bắt buộc phải ly hôn

thì anh nhận nuôi cháu Lò Tôn Ni Đ, chị P nuôi cháu Lò Sơn Ni Đ và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Về tài sản chung: Anh M đề nghị được tự thỏa thuận với nhau, không đề nghị Tòa án giải quyết trong vụ án xin ly hôn.

Về nợ chung: Anh M xác nhận không có nợ chung vợ chồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ghi ý kiến của anh Lò Văn Q là anh trai của anh Lò Văn M và là người đang trực tiếp chăm sóc cháu Lò Tôn Ni Đ. Anh Q trình bày:

Chị Lò Thị P và anh Lò Văn M kết hôn năm 2013, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị P M chung sống với gia đình anh khoảng 01 năm thì anh làm nhà sang bên cạnh trên đất của bố mẹ để lại tại Bản L, xã C, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La cho hai vợ chồng ở riêng.

Theo anh Q, mâu thuẫn vợ chồng xảy ra là do chị P cho rằng anh M mãi chơi, không chịu khó làm ăn, hay đi bạn bè, về nhà chị P nói nhiều nên vợ chồng thường xuyên tranh cãi. Đỉnh điểm của mâu thuẫn là chị P đã đánh anh M phải đi viện. Từ đó, chị P bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống và ly thân được khoảng 01 năm.

Về con chung, chị P và anh M có 02 con chung, khi ly thân cháu lớn ở với bố còn cháu nhỏ ở với mẹ. Hiện nay, anh M đi làm công nhân tại Quảng Ninh (cụ thể ở đâu anh không biết) nên cháu Lò Tôn Ni Đ gửi ở nhà cho anh chăm sóc. Nay chị P xin ly hôn, anh đề nghị tòa án giải quyết cho chị P anh M được ly hôn vì vợ chồng sống với nhau thường xuyên cãi vã, không hạnh phúc. Về con chung, anh Q không nhất trí giao cháu Đ cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng vì theo phong tục người Thái, con trai phải ở với bố. Nay anh M đi làm xa, anh là bác nên thay bố cháu (anh M) nuôi dưỡng cháu Đ.

Về tài sản chung: Sau khi kết hôn, anh làm nhà cho vợ chồng trên đất của ông bà để lại nên vợ chồng không có tài sản chung gì giá trị.

Về nợ chung: Anh không biết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ theo thủ tục tố tụng dân sự. Cụ thể: đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương (Bản L, xã C, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La) về tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị P và anh M. Đồng thời, Tòa án đã tiến hành hòa giải cho các đương sự nhưng các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Lò Văn M đã đi làm xa, không có mặt tại địa phương. Vì vậy, vụ án đã tiến hành điều tra xác minh và đưa ra xét xử theo quy định.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, có mặt đầy đủ theo giấy triệu tập của Tòa án, bị đơn vắng mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: tuyên xử theo hướng chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lò Thị P đối với anh Lò Văn M. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Lò Tôn Ni Đ, sinh ngày 07/6/2014 và cháu Lò Sơn Ni Đ2, sinh ngày 23/05/2016 cho chị Lò Thị P chăm sóc, giáo dục cho đến khi hai cháu đủ tuổi trưởng thành hoặc cho đến khi có yêu cầu mới. Về tài sản chung: Tách yêu cầu phân chia tài sản chung vợ chồng thành một vụ án khác khi có yêu cầu. Về nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn xác nhận không có nợ chung. Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, con chung của chị P và anh M hiện đang do anh Lò Văn Q (anh trai anh Lò Văn M) chăm sóc. Anh Q không đồng ý giao con chung cho chị P chăm sóc. Do vậy, TAND huyện Mai Sơn đưa anh Lò Văn Q tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Trước khi mở phiên tòa, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với các đương sự trong vụ án. Tuy nhiên, bị đơn anh Lò Văn M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lò Văn Q vẫn vắng mặt lần thứ tại phiên tòa không có lý do. Do vậy, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh M và anh Q là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Lò Thị P và anh Lò Văn M tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2013, anh chị đã được UBND xã C, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La cấp giấy đăng ký kết hôn vào ngày 02/12/2013. Khi kết hôn hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó anh chị là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn hai anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một khoảng thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng anh chị không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã. Chị P cho rằng anh M không tu chí làm ăn, mãi chơi, uống rượu về đánh đập vợ con còn anh M thì cho rằng có đánh chị P nhưng chính chị P là người đánh anh M bị thương phải nằm viện. Sau khi mâu thuẫn vợ chồng xảy ra, chị P đã về nhà bố mẹ đẻ ở Bản H, xã C ở và sống ly thân với anh M khoảng 01 năm trước khi làm đơn xin ly hôn. Anh M cho rằng có mâu thuẫn vợ chồng nhưng mâu thuẫn chưa đến mức phải ly hôn nhưng anh không có cách nào cải thiện tình cảm vợ chồng, trong thời gian ly thân cả hai bên đều không quan tâm gì đến nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã tổ chức hòa giải cho anh chị quay về đoàn tụ nhưng không thành. Sau đó, anh M đã bỏ đi làm xa, không thể hiện quan điểm muốn hàn gắn với chị P. Quá trình điều tra xác minh nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa hai vợ chồng theo quy định tại Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, anh Lò Văn Q (anh trai anh M sống bên cạnh), đại diện bản quản lý Bản L, xã C (nơi chị P và anh M cư trú), chính quyền địa phương đã xác định: Vợ chồng chị P và anh M thường xuyên cãi vã, đánh chửi nhau, cuộc sống vợ chồng không hòa thuận, chị P đã đánh anh M dẫn đến anh M bị thương phải nằm viện. Sau sự việc đó, chị P đã sống ly thân với anh M khoảng 01 năm trước khi có đơn ly hôn.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Cuộc sống hôn nhân của chị P và anh M có nhiều mâu thuẫn, từ bất đồng về lối sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên tranh cãi, đánh nhau, hôn nhân không hạnh phúc. Mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P, xử cho chị P được ly hôn với anh Lò Văn M.

[2.2] Về con chung: Quá trình hôn nhân chị P và anh M có 02 con chung là cháu Lò Tôn Ni Đ, sinh ngày 07/6/2014 và cháu Lò Sơn Ni Đ2, sinh ngày 23/05/2016. Khi ly thân, cháu Lò Tôn Ni Đ do anh M trực tiếp chăm sóc, cháu Lò Sơn Ni Đ2 do chị P trực tiếp chăm sóc. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị P và anh M đã thống nhất mỗi người nuôi một cháu. Tuy nhiên, hiện nay anh M đi làm xa, không trực tiếp chăm sóc giáo dục cháu Đại mà gửi cho anh trai là Lò Văn Q chăm sóc, giáo dục. Vì vậy, chị P đã có yêu cầu đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng

cả hai cháu. Anh Q không nhất trí giao cháu Đại cho chị P. Căn cứ vào khoản 2 Điều 69 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì trách nhiệm trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, bảo vệ quyền và lợi ích của con chưa thành niên là nghĩa vụ của bố mẹ. Như vậy, cháu Đ chưa thành niên cần sự chăm sóc, giáo dục của bố mẹ. Nay anh M vắng nhà, không trực tiếp chăm sóc cháu Đ. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ giao hai cháu Lò Tôn Ni Đ và cháu Lò Sơn Ni Đ2 cho Lò Thị P trực tiếp chăm sóc, giáo dục các cháu cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành hoặc đến khi có yêu cầu khác.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Chị P không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nên Tòa án không xem xét.

[2.3] *Về tài sản chung*: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị P và anh M có kê một số tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân nhưng mong muốn tự thỏa thuận về vấn đề này và không đề nghị Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, sau khi anh M đi làm xa, vắng mặt tại địa phương, chị P đã có yêu cầu Tòa án không giải quyết vấn đề tài sản chung vợ chồng trong vụ án xin ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử cần tách yêu cầu phân chia về tài sản chung vợ chồng thành một vụ án khác khi có yêu cầu.

[2.4] *Về nợ chung*: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị P và anh M đều xác nhận không có nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] *Về án phí*: Chị Lò Thị P phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 69, Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228, Điều 147; Điều 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lò Thị P và anh Lò Văn M.

2. Về con chung: Giao cháu Lò Tôn Ni Đ, sinh ngày 07/6/2014 và cháu Lò Sơn Ni Đ2, sinh ngày 23/05/2016 cho chị Lò Thị P trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có yêu cầu khác. Anh Lò Văn M không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị P do chị P không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, anh M được quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh M thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung: Tách yêu cầu phân chia về tài sản chung vợ chồng thành một vụ án khác khi có yêu cầu.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Lò Thị P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002109 ngày 22 tháng 02 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lò Thị Chơ